

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

VỀ SỰ ĐỐI LẬP GIỮA CÂU ĐƠN VÀ CÂU PHỨC TRONG TIẾNG VIỆT (CÓ SO SÁNH VỚI TIẾNG NGÀ, TIẾNG ANH)

NGUYỄN VĂN LỘC* - NGUYỄN MẠNH TIẾN**

TÓM TẮT: Bài viết khảo sát sự đối lập giữa câu đơn và câu phức trong tiếng Việt do sự quy định của đặc tính không biến hình của từ và nêu cách xác định, phân biệt hai kiểu câu này. Bài viết xem xét cụ thể hai trường hợp đáng chú ý: a) sự giống nhau về hình thức cú pháp giữa câu đơn và câu phức và cách phân biệt, b) sự tồn tại của những câu có đặc tính trung gian giữa câu đơn, câu phức và cách xử lí.

TỪ KHÓA: sự đối lập; hình thức cú pháp; câu đơn; câu phức; tính trung gian.

NHẬN BÀI: 31/8/2022.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 13/12/2022

1. Đặt vấn đề

Trong việc phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp, việc phân chia câu thành câu đơn, câu phức (câu ghép) đã được đặt ra từ lâu trong hầu hết các công trình nghiên cứu về cú pháp tiếng Việt. Tuy nhiên, do tính phức tạp của sự lập giữa câu đơn và câu phức trong tiếng Việt (bị quy định bởi đặc tính không biến hình của từ) nên đối với không ít người quan tâm đến cú pháp tiếng Việt, việc phân biệt hai loại câu này, trong một số trường hợp, vẫn được coi là việc khó khăn. Mặt khác, cách hiểu về câu đơn, câu phức (câu ghép) trong các công trình nghiên cứu về cú pháp không có sự thống nhất cũng là một trở ngại đối với việc xác định, phân biệt các loại câu này. Thực tiễn của việc dạy học cú pháp tiếng Việt cũng cho thấy nhiều giáo viên, học sinh, sinh viên thường nhầm lẫn câu đơn với câu phức hoặc lúng túng trước yêu cầu xếp loại một số câu cụ thể có đặc tính trung gian giữa câu đơn và câu phức.

Trước thực tế đó, để góp phần giúp giáo viên và học sinh khắc phục khó khăn trong việc phân tích và phân loại câu về cú pháp; qua đó, góp phần nâng cao chất lượng dạy học câu, trong bài viết này, chúng tôi sẽ trình bày một số ý kiến trao đổi về sự đối lập giữa câu đơn và câu phức trong tiếng Việt và cách phân biệt hai loại câu này trong một số trường hợp ranh giới giữa chúng không hoàn toàn rõ ràng.

Những nội dung chính mà bài viết sẽ đề cập là: 1) Tiêu chí xác định câu đơn, câu phức; 2) Sự gần gũi giữa câu đơn, câu phức và cách phân biệt, cách xử lí.

2. Tiêu chí xác định câu đơn, câu phức

Việc phân loại câu theo cấu tạo trong các công trình nghiên cứu về cú pháp thường được thực hiện theo ba tiêu chí. Theo tính phổ biến hay tính thông dụng, câu được chia thành: *câu bình bình* và *câu đặc biệt*. Theo tính hoàn chỉnh (tính đầy đủ, tính trọn vẹn), câu được chia thành: *câu đầy đủ* và *câu không đầy đủ*. Theo độ phức tạp về cấu tạo, câu được chia thành: *câu đơn* và *câu phức (câu ghép)* [Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, 2017, tr.416].

Trong việc phân loại câu theo độ phức tạp về cấu tạo, mặc dù các tác giả đều sử dụng thuật ngữ câu đơn, câu phức (câu ghép) nhưng ở mỗi tác giả, cách hiểu nội dung các thuật ngữ này có sự khác nhau. Có thể chỉ ra ba cách phân loại chính:

a) Phân loại dựa đơn thuần vào số lượng cụm chủ vị. Theo cách này, câu được chia thành hai loại: *câu đơn* (câu chỉ có một cụm chủ vị) và *câu phức* (câu gồm hai cụm chủ vị trở lên) [Nguyễn Thiện Giáp, Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết, 2004, tr.273; Быстров. И.С, Нгуен Тай Кан, Н.В.Станкевич, 1975, tr.206 - 207].

b) Phân loại dựa vào số lượng cụm chủ vị nòng cốt (cụm chủ vị nòng cốt được hiểu là cụm chủ vị không bị bao chứa trong một cụm từ). Theo cách này, câu được chia thành hai loại: *câu đơn giản* (câu chỉ có một cụm chủ vị nòng cốt), *câu phức hợp* (câu gồm hai cụm chủ vị nòng cốt trở lên) [Nguyễn Kim Thản, 1964, tr.525].

c) Phân loại dựa vào cả số lượng cụm chủ vị và số lượng cụm chủ vị nòng cốt. Theo cách này, câu được chia thành ba loại: *câu đơn* (câu chỉ có một cụm chủ vị), *câu phức* (câu có hai cụm chủ vị trở lên,

* PGS. TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: nguyenvanloc. sptn @gmail.com

** TS; Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: nguyenmanhtien 1286@gmail.com

trong đó chỉ có một cụm chủ vị nòng cốt), *câu ghép* (câu gồm hai cụm chủ vị nòng cốt trở lên). [Diệp Quang Ban, 2005, tr.289-302].

Bên cạnh ba cách phân loại phổ biến vừa đề cập còn có một số cách phân loại khác có sự điều chỉnh, bổ sung nhất định đối với một trong những cách phân loại trên đây [Hoàng Trọng Phiên, 1986, tr.189 - 191; V.S. Panfilov, 2008, tr.357-390; Nguyễn Văn Hiệp, 2009, tr.354 -369].

Không có ý định bàn sâu về ưu điểm, hạn chế của mỗi cách phân loại trên đây, ở bài viết này, chúng tôi chỉ đưa ra cách hiểu của mình về khái niệm về câu đơn, câu phức, tạo tiền đề cho việc triển khai nội dung chính của bài viết: sự đối lập hay ranh giới giữa câu đơn, câu phức trong tiếng Việt và cách phân biệt, cách xử lý những trường hợp trung gian. Chúng tôi cho rằng trong việc phân loại câu theo độ phức tạp về cấu tạo, ở bước thứ nhất, nên dựa vào số lượng cụm chủ vị - đơn vị cú pháp có vai trò quan trọng nhất đối với tổ chức cú pháp của câu. Theo tiêu chí này, trước hết, câu được chia thành hai loại: *câu đơn* (chỉ có một cụm chủ vị) và *câu phức* (gồm hai cụm chủ vị trở lên). Theo chúng tôi, cách phân loại này không chỉ có cơ sở (số lượng cụm chủ vị chính là đặc điểm phản ánh trực tiếp và rõ nhất độ phức tạp về cấu tạo cú pháp của câu) mà còn có sự tiện lợi (cách phân loại này cung cấp một tiêu chí rất rõ ràng, dễ vận dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân biệt câu đơn với câu phức). Về thuật ngữ, việc dùng “câu phức” (thay cho “câu ghép”) ở bước phân loại thứ nhất là phù hợp với sự biểu thị độ phức tạp về cấu tạo của câu.

3. Sự gần gũi giữa câu đơn và câu phức

Sự gần gũi giữa câu đơn và câu phức trong tiếng Việt được thể hiện khá phức tạp nhưng có thể quy về hai trường hợp: a) sự giống nhau về hình thức cú pháp giữa câu đơn và câu phức. b) sự tồn tại của những câu có đặc tính trung gian giữa câu đơn và câu phức. Trường hợp thứ nhất chính là nguyên nhân khách quan dẫn đến sự nhầm lẫn câu đơn với câu phức. Trường hợp thứ hai là nguyên nhân dẫn đến ý kiến tranh luận và những giải pháp khác nhau đối với việc xếp loại một số kiểu câu cụ thể.

3.1. Sự giống nhau về hình thức cú pháp giữa câu đơn và câu phức - cách phân biệt

Chúng ta sẽ xem xét hai trường hợp tiêu biểu:

1) *Câu có vị ngữ là động từ câu khiến và câu có vị ngữ là động từ bình xét*

Xét các ví dụ sau:

(1a) *Tôi mời nó đến.*

(1b) *Tôi biết nó đến.*

Nhìn một cách khái quát, những câu (1a), (1b) khá giống nhau về hình thức cú pháp (về số lượng từ, về thành phần từ loại và trật tự từ). Nét giống nhau này đã khiến nhiều người lầm tưởng rằng đây là những câu có bản chất cú pháp như nhau. Chẳng hạn, khi phân tích những câu trên đây, nhiều giáo viên, học sinh, sinh viên cho rằng chúng đều là câu phức gồm hai cụm chủ vị: cụm chủ vị chính (*Tôi mời...*, *Tôi biết...*) và cụm chủ vị bổ ngữ (*nó đến*). Tuy nhiên, thực ra, đây là những câu có bản chất ngữ pháp khác hẳn nhau:

Câu (1a) chỉ có một cụm chủ vị (là câu đơn) với vị ngữ là động từ cầu khiến (*mời*) chi phối hai bổ ngữ: *nó* (chỉ đối thể cầu khiến) và *đến* (chỉ nội dung cầu khiến).

Câu (1b) có hai cụm chủ vị (là câu phức) trong đó, vị ngữ là động từ cảm nghĩ, nói năng (*biết*) chi phối một bổ ngữ là cụm chủ vị (*nó đến*).

Sự giống nhau về hình thức cú pháp (ở nét khái quát) giữa câu (1a) và câu (1b) bắt nguồn từ một đặc điểm quan trọng của ngữ pháp tiếng Việt: tính không biến hình của từ. Đặc điểm này của từ dẫn đến hiện tượng “đồng hình mà khác nghĩa” của các đơn vị, các cấu trúc cú pháp trong tiếng Việt như các tác giả đã chỉ ra [Nguyễn Kim Thân, 1977, tr.257; Nguyễn Văn Lộc, 2005, tr.34-43; Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, 2017, tr.445]. Cụ thể, ở hai câu trên đây, mặc dù các từ *nó*, *đến* đều chiếm vị trí sau động từ - vị ngữ (*mời*, *biết*) và có hình thức ngữ âm hoàn toàn như nhau (có sự “đồng hình”) nhưng chúng có đặc tính cú pháp khác hẳn nhau: *nó* và *đến* ở câu (1a) là hai bổ ngữ của động từ cầu khiến (*mời*); còn *nó* và *đến* ở câu (1b) tạo thành một cụm chủ vị giữ chức năng bổ ngữ duy nhất của động từ cảm nghĩ, nói năng (*biết*).

Ở đây, cần làm rõ thêm chức năng cú pháp của từ *nó* ở câu (1a). Khi phân tích những câu có vị ngữ là động từ cầu khiến (*bắt*, *cắm*, *mời*, *khuyến*, *rủ*, *yêu cầu*...) kiểu như câu (1a), có ý kiến cho rằng từ *nó*

ở câu này là thành phần kiêm ngữ (kiêm hai chức năng), tức là vừa làm bổ ngữ của động từ - vị ngữ đứng trước, vừa làm chủ ngữ của động từ đứng sau. Cách phân tích này đã được đề cập trực tiếp hay gián tiếp đến trong một số công trình nghiên cứu về cú pháp với quan điểm không ủng hộ. [V.S. Panfilov, 2008, tr.78; Nguyễn Văn Hiệp, 2009, tr.181]. Theo chúng tôi, mặc dù việc đề xuất khái niệm thành phần kiêm ngữ là giải pháp đáng chú ý trong phân tích cú pháp tiếng Việt nhưng cách phân tích này có những điểm vướng mắc về lí luận và thực tiễn rất khó luận giải. Về lí luận, cách phân tích này sẽ mâu thuẫn với nguyên tắc phân tích cú pháp mà một số tác giả đã xác định. Chẳng hạn, theo L. Tesnière, “Về nguyên tắc, không một yếu tố phụ thuộc nào có thể phụ thuộc vào hơn một yếu tố chính. Ngược lại, một yếu tố chính có thể chi phối một vài yếu tố phụ.” [L. Tesnière, 1988, tr.25]. Cùng có quan niệm như L. Tesnière, V.S. Panfilov cho rằng “Một ông chủ cú pháp có thể có một vài người hầu, nhưng một người hầu không thể có hai ông chủ.” [V. S. Panfilov., 2008, tr.99].

Để làm rõ nguyên tắc này, khi phân tích câu: (2) “*Tôi khuyên anh nghỉ.*”, V.S. Panfilov cho rằng mặc dù giữa từ *anh* và từ *nghỉ* có mối quan hệ thuần ngữ nghĩa nhưng giữa chúng không có quan hệ cú pháp vì việc công nhận quan hệ cú pháp giữa hai từ này sẽ phá vỡ nguyên tắc cú pháp đã được xác định. [V.S. Panfilov, 2008, tr.99-100]. Về mặt thực tiễn, việc thừa nhận thành phần kiêm ngữ (kiêm hai chức năng cú pháp) sẽ rất khó xử lí các trường hợp sau:

a) Trường hợp của những câu có vị ngữ là động từ cầu khiến (*khuyên, mời, rủ, yêu cầu...*) mà sau nó là đại từ *nhau*, ví dụ:

(3) “*Họ **rủ** **nhau** đi xem phim.*”

(4) “*Họ **mời** **nhau** chén tại cao lầu*” (Trần Tế Xương).

Trong hai câu vừa dẫn, rõ ràng không thể xem từ *nhau* vừa là bổ ngữ của động từ đứng trước, vừa là chủ ngữ của động từ đứng sau (từ *nhau* không bao giờ giữ chức năng chủ ngữ).

b) Trường hợp của những câu sai do “chập” hai chức năng cú pháp làm một; ví dụ, chập chức năng trạng ngữ với chức năng chủ ngữ (kiểu như câu: (5) “*Với **sức sống tiềm tàng ấy của Mị*** đã khiến ta phải ngạc nhiên, khâm phục.”). Câu vừa dẫn được coi là câu sai vì theo quy tắc cú pháp, cụm từ in đậm không thể kiêm cả chức năng trạng ngữ lẫn chức năng chủ ngữ. Ngoài ra, cần thấy rằng trong các công trình nghiên cứu về cú pháp, những câu có vị ngữ là động từ cầu khiến kiểu như câu (3), câu (4) hầu như đều được coi là câu đơn chi phối hai bổ ngữ [Nguyễn Kim Thân, 1977, tr.147; Diệp Quang Ban, 2005, tr.152; Nguyễn Văn Hiệp, 2009, tr.181; Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, 2017, tr.454].

Tương tự như những câu có vị ngữ động từ cầu khiến vừa được xem xét, câu có vị ngữ là động từ bình xét (*bầu, chọn, cử, coi, suy tôn...*) cũng có nét gần gũi về hình thức cú pháp khá quát với câu phức (và cũng có thể bị nhầm lẫn với câu phức). Ví dụ:

(6) *Chúng tôi bầu anh ấy làm **lớp trưởng**.*

(7) *Chúng tôi coi anh ấy là **bạn**.*

Trong những câu (6), (7), giữa các từ ngữ *anh ấy* và *làm lớp trưởng, là bạn* chỉ có quan hệ thuần ngữ nghĩa chứ không có quan hệ cú pháp (quan hệ chủ vị) với nhau. Chúng đều là các bổ ngữ của động từ - vị ngữ (*bầu, coi*). Do đó, hoàn toàn loại trừ khả năng phân tích coi những câu này là câu phức câu có cụm chủ vị làm bổ ngữ.

Trên cơ sở sự phân tích trên đây, chúng tôi cho rằng cần thừa nhận nguyên tắc xác định thành phần câu mà L. Tesnière và V.S. Panfilov đã đề xuất (theo đó, trong câu, mỗi từ/ cụm từ chỉ giữ một chức năng cú pháp). Mở rộng phạm vi khảo sát ngữ liệu sang một số ngôn ngữ khác loại hình, có thể thấy nguyên tắc phân tích này tỏ ra hoàn toàn phù hợp và được làm rõ hơn về mặt hình thức cú pháp. Chẳng hạn, thử phân tích những câu có vị ngữ là động từ cầu khiến, động từ bình xét trong tiếng Anh, tiếng Nga ở dưới đây:

a) Trong tiếng Anh:

(8) *I **invited** him to come.* (Tôi mời anh ấy đến.)

(9) *She **advised** me to wait until tomorrow.* (Cô ta khuyên tôi chờ tới ngày mai.)

(10) *We **elected** him to be chairman.* (Chúng tôi bầu ông ấy làm chủ tịch.)

(11) *I **consider** him as a friend.* (Tôi coi anh ấy là bạn.)

b) Trong tiếng Nga:

- (12) *Я пригласил* его на вечер. (Tôi mời anh ấy đến dự dạ hội.)
 (13) Он *советовал* мне отдохнуть. (Anh ấy khuyên tôi nghỉ ngơi.)
 (14) Мы *выбрали* его председателем. (Chúng tôi bầu ông ấy làm chủ tịch)
 (15) Я *считаю* его другом. (Tôi coi anh ấy là bạn.)

Như các ví dụ cho thấy, trong tiếng Anh và tiếng Nga, sau các động từ - vị ngữ chỉ hoạt động cầu khiến (*invited, advised, пригласил, советовал*: mời, khuyên), hoạt động bình xét (*elected, consider, выбрали, считаю*: bầu, coi), các đại từ chỉ đối thể cầu khiến (*him, me, ego, мне*: anh ấy/ ông ấy, tôi) đều có sự biến đổi hình thức phù hợp với bổ ngữ (tân ngữ); do đó, không thể coi chúng đồng thời là chủ ngữ của các từ ngữ đứng sau. Như vậy, những câu trên đây không thể bị nhầm lẫn là câu phức có cụm chủ vị làm bổ ngữ.

2) *Câu có chủ ngữ (bổ ngữ) là cụm danh từ với định tố là vị từ (cụm vị từ)*

Ví dụ: (16) *Чàng xạ thủ mặc áo xanh bắn con chim đang mổ con sâu bò trên cành quýt.*

Phân tích câu (16), có ý kiến cho rằng câu này là câu phức có đến bốn cụm chủ vị: Ngoài cụm chủ vị chính (nòng cốt) với vị ngữ là *bắn* còn có một cụm chủ vị là chủ ngữ (*chàng xạ thủ mặc áo xanh*) và hai cụm chủ vị là bổ ngữ (*con chim đang mổ con sâu, ...con sâu bò trên cành quýt*). Thực ra, theo nguyên tắc phân tích cú pháp đã chỉ ra ở trên, câu này là câu đơn (chỉ có một cụm chủ vị với vị ngữ là *bắn*), chủ ngữ (*chàng xạ thủ mặc áo xanh*) và bổ ngữ (*con chim đang mổ con sâu...*) đều là các cụm danh từ. Ở câu này, cũng do tính không biến hình của từ mà đã có sự nhầm lẫn định tố là cụm vị từ (*mặc áo xanh, đang mổ con sâu...*) với vị ngữ.

Để phân biệt câu đơn với câu phức trong các trường hợp trên đây, ngoài việc chú ý đến tính không biến hình của từ và nguyên tắc phân tích cú pháp đã xác định, cần chú ý những điểm sau:

1) *Xem xét cụ thể đặc điểm về ý nghĩa từ loại (tiểu loại) và thuộc tính chi phối (thuộc tính kết tri) của động từ - vị ngữ.*

Cần thấy rằng, là trung tâm tổ chức của câu, vị ngữ chính là thành phần quy định không chỉ số lượng mà cả đặc điểm ý nghĩa, hình thức (câu tạo, phương thức kết hợp, khả năng cải biến) của chủ ngữ, bổ ngữ [Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, 2017, tr.244-247]. Cụ thể:

- Nếu vị ngữ là động từ cầu khiến (*bắt, cảm, mời, khuyên, rủ, yêu cầu...*) hoặc động từ bình xét (*bầu, chọn, cử, coi, suy tôn...*) thì nó hầu như luôn chi phối hai bổ ngữ: bổ ngữ chỉ đối thể cầu khiến hay đối thể bình xét (thường được biểu hiện bằng danh từ, cụm danh từ, đại từ) và bổ ngữ chỉ nội dung cầu khiến hay kết quả bình xét (thường được biểu hiện bằng động từ, cụm động từ) như ở những câu (1a), (2), (3), (4) (6), (7).

- Nếu vị ngữ là động từ cảm nghĩ, nói năng, thụ cảm (*biết, hiểu, nghĩ, tưởng, thấy...*) thì nó có thể chi phối bổ ngữ là cụm chủ vị (như ở câu 1b).

- Nếu vị ngữ là động từ chỉ hoạt động có chủ ý (chủ thể thường là người) như: *đi, chạy, đứng, ngồi, ăn, cười, nói, quát, hét...* thì chủ ngữ của câu hầu như luôn là danh từ, cụm danh từ, đại từ (như ở câu (17) *Người lính cầm loa đi đầu hét vang luôn miêng*).

- Nếu vị ngữ là các động từ chủ ý chỉ hoạt động tác động của chủ thể đến đối thể (*ăn, đọc, viết, đá, đánh, đâm, đập, đốt, bắn...*) thì cả chủ ngữ và bổ ngữ bên nó đều là danh từ, cụm danh từ, đại từ (như ở câu 16).

- Nếu vị ngữ là các động từ ngữ pháp (động từ quan hệ) như *là, khiến, làm...* thì chủ ngữ và bổ ngữ bên nó có thể là cụm chủ vị (như ở câu (18) *Bỗng một bàn tay đập vào hún khiến hún giật mình quay lại*).

2) *Dùng các thủ pháp hình thức (lược bỏ, bổ sung, thay thế, cải biến)*

Vai trò quan trọng của các thủ pháp này trong phân tích cú pháp các ngôn ngữ đơn lập nói chung, tiếng Việt nói riêng đã được chỉ ra trong nhiều công trình nghiên cứu về cú pháp: [Яхонтов С.Е., 1971, tr.244 -245; Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, 2004, tr.84-92; Nguyễn Văn Lộc, 1995, tr.40-43; Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, 2017, tr.30-231]. Đối với việc phân biệt câu đơn với câu phức trong tiếng Việt, các thủ pháp này tỏ ra rất phù hợp và có hiệu quả.

Dựa vào ý nghĩa từ loại (tiểu loại), thuộc tính chi phối của động từ - vị ngữ và các thủ pháp hình thức, có thể phân biệt câu đơn với câu phức trong những trường hợp giữa chúng có sự giống nhau về

hình thức ngữ pháp khái quát, thậm chí, cả trường hợp vị ngữ là một động từ nhưng được dùng với ý nghĩa, đặc điểm chi phối khác nhau. Ví dụ:

(19a) *Tôi sẽ bảo Oanh đưa cho Thứ mỗi tháng vài chục bạc.* (Nam Cao)

(19b) *Bà cô bảo thị là người vô tâm.* (Nam Cao)

Thoạt nhìn, có thể tưởng các câu (19a), (19b) là những câu giống nhau về bản chất cú pháp (đều là câu phức có cụm chủ vị làm bỏ ngữ). Thực ra, đây là hai câu rất khác nhau về cú pháp. Cụ thể:

- Động từ *bảo* ở câu (19a) là động từ cầu khiến (có thể thay thế nó bằng động từ cầu khiến điển hình *yêu cầu*). Động từ này chi phối hai bỏ ngữ: *Oanh* (trả lời cho câu hỏi: *Bảo ai?*) và *đưa cho Thứ...* (trả lời cho câu hỏi: *Bảo làm gì?*). Động từ *bảo* ở câu (19b) là động từ cảm nghĩ, nói năng (có thể thay thế nó bằng động từ cảm nghĩ, nói năng điển hình là *nói* nhưng không thể thay thế bằng *yêu cầu*). Động từ này chi phối một bỏ ngữ là cụm chủ vị (*thị là người vô tâm*).

- Ở câu (19b), có thể bổ sung quan hệ từ (kết từ) *rằng* vào sau *bảo* (19c) *Bà cô thị bảo rằng thị người vô tâm*. Ở câu (19a), không thể bổ sung *rằng* vào sau *bảo* (vì động từ *bảo* ở câu này chi phối trực tiếp các bỏ ngữ: *Oanh* và *đưa cho Thứ*).

Đối với trường hợp của những câu đơn có chủ ngữ, bỏ ngữ là cụm danh từ (với định tố là vị từ) có nét gần gũi về hình thức với câu phức, cũng dựa vào cách trên đây, có thể chỉ ra bản chất, ranh giới của chúng. Chẳng hạn, ở câu: (16) *Chàng xạ thủ mặc áo xanh bắn con chim đang mổ con sâu bò trên cành quýt*, tính chất câu đơn có thể chỉ ra như sau:

- Động từ - vị ngữ (*bắn*) là động từ *chủ ý chỉ hoạt động tác động của chủ thể vào đối thể*. Phù hợp với ý nghĩa đó, về kết tri, động từ này *luôn đòi hỏi (chi phối) chủ ngữ và bỏ ngữ là danh từ (cụm danh từ, đại từ)*.

- Dùng thủ pháp thay thế, ta thấy:

+ Chủ ngữ (*chàng xạ thủ mặc áo xanh*) có thể thay thế bằng các đại từ *ai, nó* (- *Ai bắn...? - Nó bắn...*). Khả năng thay thế này chứng tỏ chủ ngữ là cụm danh từ chứ không phải là cụm chủ vị (vì cụm danh từ có khả năng thay thế bằng các đại từ *ai, nó*; còn cụm chủ vị không có khả năng này). Cụm từ *mặc áo xanh* có thể thay thế bằng các đại từ *nào, ấy* (- *Chàng xạ thủ nào bắn con chim...? - Chàng xạ thủ ấy bắn...*). Khả năng thay thế này chứng tỏ *mặc áo xanh* là định ngữ chứ không phải vị ngữ (vì định ngữ có khả năng thay thế bằng các đại từ *nào, ấy*; còn vị ngữ không có khả năng này).

+ Bỏ ngữ (*con chim đang mổ con sâu...*) có thể thay thế bằng đại từ *nó* (*Chàng xạ thủ mặc áo xanh bắn nó*). Cụm từ *đang mổ con sâu* cũng có thể thay thế bằng các đại từ *nào, ấy* (- *Chàng xạ thủ mặc áo xanh bắn con chim nào? - Chàng xạ thủ mặc áo xanh bắn con chim ấy*). Khả năng thay thế vừa chỉ ra chứng tỏ bỏ ngữ không phải là cụm chủ vị mà chỉ là cụm danh từ; còn *đang mổ con sâu* không phải là vị ngữ mà chỉ là định ngữ/ định tố của *con chim*.

3.2. Những câu có đặc tính trung gian giữa câu đơn và câu phức - cách xử lý

Những câu có đặc tính trung gian giữa câu đơn và câu phức gồm hai loại chính:

3.2.1. Những câu trung gian giữa câu đơn và câu phức phụ thuộc

Câu phức phụ thuộc được hiểu là câu phức chỉ có một cụm chủ vị chính (nòng cốt), các cụm chủ vị còn lại giữ vai trò thành phần câu. Những câu trung gian giữa câu đơn và câu phức phụ thuộc gồm hai kiểu:

1) Những câu có sự tỉnh lược chủ ngữ của cụm chủ vị phụ thuộc

Thuộc kiểu này là các dạng sau:

a) Tỉnh lược chủ ngữ của cụm chủ vị làm định ngữ (định tố)

Ví dụ:

(20a) *Cuốn sách tôi vừa mua rất hay.*

(20b) *Cuốn sách φ vừa mua rất hay.*

(21a) *Nó lang thang qua sở cấm, thăm lại chỗ nó bị giam hôm đầu tiên.* (Nguyễn Công Hoan)

(21b) *Nó lang thang qua sở cấm, thăm lại chỗ φ bị giam hôm đầu tiên.*

(22a) *Anh nghĩ đến số tiền mà anh sẽ có.* (Thạch Lam)

(22b) *Anh nghĩ đến số tiền φ sẽ có.*

(23a) *Muỗi nhắc cho thị cái áo thị quên ngoài vườn.*

(23b) *Muỗi nhắc cho thị cái áo quên ngoài vườn.* (Nam Cao)

b) *Tính lược chủ ngữ của cụm chủ vị làm bổ ngữ*

Ví dụ:

(24a) *Trôi bão Trôi không nhìn thấy gì.*

(24b) *Trôi bão quên nhìn thấy gì.* (Tô Hoài)

(25a) *Thằng bé ngây thơ đã được ông cai ân xá.* (Ngô Tất Tố)

(25b) *Thằng bé ngây thơ đã được ân xá.*

(26a) *Nó bảo con rằng nó chưa có ai.*

(26b) *Nó bảo con rằng quên chưa có ai.* (Nam Cao)

c) *Tính lược chủ ngữ của cụm chủ vị làm trạng ngữ*

Ví dụ:

(27a) *Thị cười vì thị nghĩ đến đàn con.*

(27b) *Thị cười vì quên nghĩ đến đàn con.* (Nam Cao)

(28a) *Sĩ trông thấy Hoat, anh liền giắt chiếc sáo vào thắt lưng.* (Nguyễn Minh Châu)

(28b) *Trông thấy Hoat, anh liền giắt chiếc sáo vào thắt lưng.*

(29a) *Tại linh trắng gặp ba tôi, chúng đều ngán.* (Anh Đức)

(29b) *Quên gặp ba tôi, chúng đều ngán.*

2) *Những câu có sự tính lược chủ ngữ của cụm chủ vị chính*

Ví dụ:

(30a) *Nếu anh tự vẽ mình sắc sỡ, thì anh càng mau xám xịt.* (3500 câu danh ngôn)

(30b) *Nếu anh tự vẽ mình sắc sỡ thì quên càng mau xám xịt.*

(31a) *Vì nó lười nên nó học rất kém.*

(31b) *Vì nó lười nên quên học rất kém.*

(32a) *Mặc dù Nguyễn Khuyến đỗ đạt cao nhưng ông chỉ làm quan hơn mười năm.*

(32b) *Mặc dù Nguyễn Khuyến đỗ đạt cao nhưng quên làm quan hơn mười năm.*

Các ví dụ trên cho thấy, các câu a) trên đây đều có hai cụm chủ vị được biểu hiện ở dạng đầy đủ (hiển ngôn); vì vậy, chúng rõ ràng là câu phức. Đối với những câu b), tính chất cấu tạo của chúng không thực sự rõ ràng. Nếu tính số lượng cụm chủ vị được biểu hiện một cách hiển ngôn thì những câu này chỉ có một cụm chủ vị (do đó, có cơ sở nhất định để xếp chúng vào câu đơn). Tuy nhiên, cũng có thể có cách phân tích cho rằng những câu này đều có hai cụm chủ vị trong đó, một cụm chủ vị có chủ ngữ bị tính lược. Theo cách luận giải này, có thể xếp chúng vào câu phức.

Ở đây, cần chỉ ra rằng sự gần gũi hay sự đối lập không rõ ràng giữa câu đơn và câu phức như trong trường hợp đang được xem xét cũng bắt nguồn từ một đặc điểm loại hình quan trọng của tiếng Việt là tính không biến hình của từ. Do đặc điểm này của từ tiếng Việt mà trong câu, một động từ khi giữ các chức cú pháp khác nhau (ví dụ, chức năng vị ngữ và định ngữ như *mua* ở các câu 20a, 20b, chức năng vị ngữ và trạng ngữ như *trông thấy* ở các câu 28a, 28b) vẫn không có gì khác nhau về hình thức. Đây chính là điều kiện để thêm bớt chủ ngữ bên các động từ này mà không dẫn đến sự phá vỡ cấu trúc cú pháp của câu. Ở các ngôn ngữ biến tố, các từ làm định ngữ, trạng ngữ (gốc động từ) có hình thức khác hẳn động từ - vị ngữ; do đó, việc bổ sung chủ ngữ cho chúng, về nguyên tắc, là điều không thể. Chẳng hạn, thử xem xét các từ giữ vai trò trạng ngữ và vị ngữ ở những câu sau đây trong tiếng Anh và tiếng Nga:

a) Trong tiếng Anh:

(33a) *He saw me yesterday.* (Chiều hôm qua, anh ta gặp tôi).

(33b) *Seeing me, he looked happy.* (Gặp tôi, anh ta rất vui.)

b) Trong tiếng Nga:

(34a) *Он встретил меня.* (Anh ấy đã gặp tôi.)

(34b) *Встретив меня, он очень обрадовался.* (Gặp tôi, anh ấy mừng lắm.)

Trong các câu (33b), (34b), *Seeing* và *Bcmpepus* giữ vai trò trạng ngữ hay “vị ngữ phụ” (trong tiếng Anh, *Seeing* được gọi là “phân từ hiện tại trong mệnh đề trạng ngữ cắt giảm”, còn trong tiếng Nga, *Bcmpepus* là “trạng động từ thời quá khứ”). Các từ làm trạng ngữ này có hình thức khác hẳn động từ - vị ngữ (*saw*, *bcmpepus* trong những câu 33a, 34a); do đó, không thể bổ sung chủ ngữ cho chúng (như các động từ làm trạng ngữ trong tiếng Việt). Điều vừa chỉ ra cho thấy sự đối lập hay ranh giới giữa câu đơn và câu phức trong tiếng Anh và tiếng Nga rõ ràng hơn trong tiếng Việt.

Như vậy, có thể thấy, về đặc tính cú pháp, những câu b (từ 20b - 32b) trong tiếng Việt có nét trung gian ở mức độ nhất định giữa câu đơn và câu phức. Đối với những câu kiểu này, việc xếp chúng vào kiểu nào là giải pháp ít nhiều mang tính quy ước.

Trong bài viết này, chúng tôi đề nghị cách xử lý như sau:

- Đối với những câu trung gian thuộc trường hợp 1) (trường hợp tính lược chủ ngữ ở cụm chủ vị phụ thuộc): Vì cụm chủ vị phụ thuộc có vai trò thứ yếu đối với cấu trúc của câu và chủ ngữ trong nó cũng dễ dàng bị lược bỏ nên sẽ xếp (một cách quy ước) những câu thuộc trường hợp này vào câu đơn.

- Đối với những câu trung gian thuộc trường hợp 2) (trường hợp tính lược chủ ngữ ở cụm chủ vị chính): Vì cụm chủ vị chính và chủ ngữ trong nó có vai trò quan trọng hơn (việc lược bỏ chủ ngữ ở cụm chủ vị chính hạn chế hơn và việc khôi phục dễ hơn) nên sẽ xếp những câu trung gian thuộc trường hợp này vào câu phức.

Giải pháp được đề nghị trên đây, về cơ bản, phù hợp với giải pháp mà Diệp Quang Ban đã đề xuất khi phân biệt câu đơn với câu ghép [Diệp Quang Ban, 2005, tr.304].

3.2.2. Những câu trung gian giữa câu đơn và câu phức đẳng lập

Câu phức đẳng lập được hiểu là câu phức gồm hai cụm chủ vị chính trở lên có quan hệ bình đẳng với nhau. Thuộc những câu trung gian giữa câu đơn và câu phức đẳng lập là những câu có vị ngữ đồng loại như những câu b dưới đây.

(35a) *Hắn nghĩ một lát rồi hắn bảo:* (Nam Cao)

(35b) *Hắn nghĩ một lát rồi φ bảo:*

(36a) *Chú bé không nên nổi vui sướng, nó vội thò tay cầm lấy sinh linh đỏ hỏn như một viên đá son nhấc ra khỏi tổ.* (Cao Duy Sơn)

(36b) *Chú bé không nên nổi vui sướng, φ vội thò tay cầm lấy sinh linh đỏ hỏn như một viên đá son nhấc ra khỏi tổ.*

(37a) *Không những nó sẵn giỏi mà nó giữ nhà, tìm đồ đánh mất cũng tài.* (Nguyễn Công Hoan)

(37b) *Không những nó sẵn giỏi mà φ giữ nhà, tìm đồ đánh mất cũng tài.*

(38a) *Ít ra, y đã hăm hờ, y đã háo hức, y đã chờ mong.* (Nguyễn Công Hoan)

(38b) *Ít ra, y đã hăm hờ, φ đã háo hức, đã chờ mong.*

Nét trung gian của những câu b) trên đây thể hiện ở chỗ chúng vừa có nét gần gũi với câu đơn, vừa có nét gần gũi với câu với câu phức. Cụ thể:

a) Nét gần gũi với câu đơn: Chúng đều chỉ gồm một cụm chủ vị được biểu hiện một cách hiển ngôn.

b) Nét gần gũi với câu phức: Về nghĩa, chúng biểu thị hơn một sự việc (sự tình), tức là có tính “đa sự kiện”. Về cấu tạo, có thể bổ sung chủ ngữ cho vị từ thứ hai trong chúng (khi đó, ta sẽ có câu phức như những câu a).

Do có đặc tính trung gian giữa câu đơn và câu phức nên trong cách phân tích, phân loại câu, những câu b) trên đây thường được xử lý không thống nhất: Nhiều tác giả xếp chúng vào câu đơn, [V. S. Panfilov, 2008, tr.389; Diệp Quang Ban, 2005, tr.205-214; Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến, 2017, tr.454], nhưng cũng có những tác giả xếp chúng vào câu phức [Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê, 1963, tr.633].

Với quan niệm về những hiện tượng trung gian chuyển dần giữa các kiểu câu, khi xem xét những câu kiểu trên đây, V. S. Panfilov đã có cách luận giải khá thuyết phục. Theo ông, ở những câu với vị ngữ đồng loại thuộc kiểu đang xem xét, “các vị ngữ đồng loại chiếm cùng một vị trí cú pháp trong cấu trúc câu; về mặt hình thức, tuy chúng không phá vỡ tính một yếu tố chi phối nhưng về mặt ngữ nghĩa, chúng lại miêu tả một vài sự kiện và vì vậy, chúng là bước đầu tiên trên con đường tiến tới câu phức.”.

[V.S. Panfilov, 2008, tr.357- 358]. Như vậy, theo V.S. Panfilov, đây là những câu có nét trung gian ở mức độ thấp nhất giữa câu đơn và câu phức, tức là *về cơ bản, chúng vẫn mang tính chất câu đơn*.

Trong bài viết này, tán thành ý kiến của V.S. Panfilov, chúng tôi xếp những câu trên đây vào câu đơn nhưng cũng lưu ý về tính trung gian hay nét gần gũi của chúng với câu phức.

4. Kết luận

Tiếng Việt là ngôn ngữ thuộc loại hình đơn lập mà đặc điểm ngữ pháp quan trọng là từ không biến đổi hình thái. Đặc điểm này của từ tiếng Việt không chỉ khiến cho sự đối lập về hình thức ngữ pháp giữa các từ loại không rõ ràng mà còn tạo nên sự gần gũi về hình thức cú pháp giữa các thành phần câu, các kiểu câu. Ở địa hạt cú pháp, hiện tượng đồng hình mà khác nghĩa phổ biến đã gây nhiều khó khăn đối với việc phân tích, phân loại câu về cú pháp và chính là nguyên nhân khách quan dẫn đến hiện tượng nhầm lẫn câu đơn với câu phức hoặc những ý kiến, giải pháp khác nhau khi xem xét một số kiểu câu cụ thể. Để phân biệt câu đơn với câu phức có nét gần gũi về cú pháp và xử lý những trường hợp trung gian, ngoài việc cần chú ý đến tính không biến hình của từ, lựa chọn nguyên tắc phân tích cú pháp phù hợp; cần dựa vào đặc điểm ý nghĩa, thuộc tính chi phối của động từ - vị ngữ và áp dụng một số thủ pháp hình thức như lược bỏ, bổ sung, thay thế, cải biến.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Diệp Quang Ban (2005), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
2. Hoàng Trọng Phiến (1986), *Ngữ pháp tiếng Việt, Câu*, Nxb Đại học và THCN, Hà Nội.
3. Nguyễn Kim Thân (1964), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, tập 2, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Kim Thân (1977), *Động từ trong tiếng Việt*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Nguyễn Minh Thuyết, Nguyễn Văn Hiệp, *Thành phần câu tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, 2004
6. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên), Đoàn Thiện Thuật, Nguyễn Minh Thuyết (2004), *Dẫn luận Ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Văn Hiệp (2009), *Cú pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
8. Nguyễn Văn Lộc (1995), *Kết quả của động từ tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
9. Nguyễn Văn Lộc (2005), *Cần chú ý hiện tượng đồng hình khi dạy cú pháp*, T/c Giáo dục, số 3.
10. Nguyễn Văn Lộc, Nguyễn Mạnh Tiến (2017), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
11. Trương Văn Chính và Nguyễn Hiến Lê (1963), *Khảo luận về ngữ pháp Việt Nam*, Huế.
12. V.S Panfilov (2008), *Cơ cấu ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.

Tiếng Nga

13. Быстров. И.С, Нгуен Тай Кан, Н.В.Станкевич (1975), *Грамматика Вьетнамского языка*, Издательство Ленинградского университета, Ленинград.
14. Панфилов В.С (1993), *Грамматический строй Вьетнамского языка*, Санкт- Петербург.
15. Теньер Л (1988), *Основы структурного синтаксиса*, Москва «Прогресс».
16. Яхонтов С.Е (1971), *Принципы выделения членов предложения в китайском языке (Языки Китая и Юго-восточной Азии – проблемы синтаксиса*, Издательство «Наука», Москва, 1971).

About the contrast between simple and complex sentences in Vietnamese (In comparison with Russian and English)

Abstract: The article studies the contrast between simple and complex sentences in Vietnamese due to the regulation of words' invariant properties and shows how to identify and distinguish these two types of sentences. The article specifically considers two notable cases: a) the similarity in syntactic form between simple and complex sentences and how to distinguish them, b) the existence of sentences with intermediate characteristics between simple sentences and complex sentences. and how to handle them.

Key words: opposition; syntactic form; simple sentence; complex sentence; mediation.